

Số: 1104/QĐ-ĐHTB

Sơn La, ngày 13 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v chi tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân của Trường Đại học Tây Bắc được công nhận các danh hiệu thi đua, khen thưởng năm học 2023 - 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 29/2023/TT-BGDĐT ngày 29/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng đối với ngành giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 1/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 23/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Quyết định số 151/QĐ-ĐHTB ngày 15/3/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc về việc ban hành Quy định về công tác Thi đua, khen thưởng tại Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Quyết định số 1071/QĐ-ĐHTB ngày 04/9/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc về việc công nhận các danh hiệu thi đua, khen thưởng năm học 2023 - 2024;

Căn cứ Quyết định số 308/QĐ-ĐHTB ngày 24/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Tây;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính và Trưởng phòng Kế toán - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân của Trường Đại học Tây Bắc được công nhận các danh hiệu thi đua, khen thưởng năm học 2023 - 2024:

- Tiền thưởng cho mỗi cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến: 468.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng).



- Tiền thưởng cho mỗi tập thể đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến: 936.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

- Tiền thưởng cho mỗi cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở: 1.404.000 đồng (Bằng chữ: Một triệu bốn trăm linh bốn nghìn đồng).

- Tiền thưởng cho mỗi tập thể được tặng Giấy khen của Hiệu trưởng: 702.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm linh hai nghìn đồng).

- Tiền thưởng cho mỗi cá nhân được tặng Giấy khen của Hiệu trưởng: 468.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Tiền thưởng cho các tập thể và cá nhân có tên tại Điều 1 được trích từ nguồn kinh phí thi đua, khen thưởng của Trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng Kế toán - Tài chính, Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Trưởng các đơn vị có liên quan và các tập thể, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TTHĐ.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Đỗ Hồng Đức



DANH SÁCH

Chi tiền thưởng cho các cá nhân của Trường Đại học Tây Bắc đạt danh hiệu Lao động tiên tiến năm học 2023 - 2024

(Kèm theo Quyết định số 1104 QĐ/ĐHTB ngày 13 tháng 9 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

STT	Họ và tên cá nhân	Hệ số mức thưởng	Lương cơ sở (tính theo thời điểm có QĐ khen thưởng)	Thành tiền	Số tài khoản
1	Vũ Mạnh Cường	0,2	2.340.000	468.000	108004838438
2	Nguyễn Triệu Sơn	0,2	2.340.000	468.000	107004836061
3	Nguyễn Thị Mỹ	0,2	2.340.000	468.000	101004835920
4	Lưu Thị Ánh Thảo	0,2	2.340.000	468.000	101006172624
5	Hoàng Thị Tâm	0,2	2.340.000	468.000	100005047627
6	Hà Văn Quân	0,2	2.340.000	468.000	102004829292
7	Bạc Cẩm Thẩm	0,2	2.340.000	468.000	103004828687
8	Bùi Cao Hòa	0,2	2.340.000	468.000	106001825000
9	Lò Thị Thu	0,2	2.340.000	468.000	107869339441
10	Đoàn Minh Châu	0,2	2.340.000	468.000	0862763308
11	Lạc Thị Dung	0,2	2.340.000	468.000	107001066489
12	An Thị Hồng Hoa	0,2	2.340.000	468.000	103004836693
13	Đinh Thị Ngọc Linh	0,2	2.340.000	468.000	109873874036
14	Đoàn Thanh Hải	0,2	2.340.000	468.000	100004836684
15	Đỗ Hồng Đức	0,2	2.340.000	468.000	100004872239
16	Nguyễn Thị Hà	0,2	2.340.000	468.000	106004830480
17	Trần Thanh Loan	0,2	2.340.000	468.000	100006703884
18	Nguyễn Quang Huy	0,2	2.340.000	468.000	104005413393
19	Phạm Thị Thảo	0,2	2.340.000	468.000	100002523935
20	Hà Thị Trang	0,2	2.340.000	468.000	103870857353
21	Vương Quỳnh Huệ	0,2	2.340.000	468.000	106871152126
22	Hà Văn Niệm	0,2	2.340.000	468.000	103004835873
23	Lưu Mạnh Hùng	0,2	2.340.000	468.000	103005082258
24	Nguyễn Bá Huân	0,2	2.340.000	468.000	109004226356
25	Tòng Văn Chương	0,2	2.340.000	468.000	107001089588
26	Cao Thị Nhân	0,2	2.340.000	468.000	104005305231
27	Nguyễn Thúy Liễu	0,2	2.340.000	468.000	103003153604
28	Đàm Văn Canh	0,2	2.340.000	468.000	108004832268
29	Nguyễn Xuân Trường	0,2	2.340.000	468.000	101005081127
30	Vũ Ngọc Thương	0,2	2.340.000	468.000	100006459699
31	Đỗ Hoàng Tiệp	0,2	2.340.000	468.000	109006850741
32	Cao Thành Trung	0,2	2.340.000	468.000	101002057919
33	An Viết Tài	0,2	2.340.000	468.000	108003072308
34	Phạm Văn Ngọc	0,2	2.340.000	468.000	109006527434
35	Bùi Bằng Quốc Việt	0,2	2.340.000	468.000	102004872591
36	Trần Nhật Tân	0,2	2.340.000	468.000	104004832262
37	Đặng Thị Tiên	0,2	2.340.000	468.000	109005965913
38	Vũ Lê Đăng	0,2	2.340.000	468.000	100005297470



39	Ngô Quang Khải	0,2	2.340.000	468.000	104003072296
40	Đỗ Mạnh Hà	0,2	2.340.000	468.000	104006837841
41	Nguyễn Thanh Hải	0,2	2.340.000	468.000	107005471848
42	Dương Thị Ngọc Hà	0,2	2.340.000	468.000	105004819490
43	Trần Thị Thùy Linh	0,2	2.340.000	468.000	109004970349
44	Hà Anh Tuấn	0,2	2.340.000	468.000	107868030561
45	Hà Hải Trung	0,2	2.340.000	468.000	109005574289
46	Vũ Việt Hùng	0,2	2.340.000	468.000	199238399999
47	Nguyễn Tiến Dũng	0,2	2.340.000	468.000	109006132626
48	Nguyễn Thị Huệ Phương	0,2	2.340.000	468.000	104004836064
49	Nguyễn Tây Sơn	0,2	2.340.000	468.000	102005910089
50	Đào Tiến Dũng	0,2	2.340.000	468.000	101004835850
51	Phạm Hữu Cường	0,2	2.340.000	468.000	107007069318
52	Đặng Thị Minh Huệ	0,2	2.340.000	468.000	108004830449
53	Nguyễn Anh Tuấn	0,2	2.340.000	468.000	108006838163
54	Vương Đức Tuấn	0,2	2.340.000	468.000	104005915995
55	Cầm Thị Phước	0,2	2.340.000	468.000	104004836710
56	Lò Ngọc Dũng	0,2	2.340.000	468.000	101006005872
57	Phạm Việt Hùng	0,2	2.340.000	468.000	109006177536
58	Giàng A Tựa	0,2	2.340.000	468.000	102006673134
59	Phạm Việt Hà	0,2	2.340.000	468.000	101005047992
60	Hà Thị Mai Thanh	0,2	2.340.000	468.000	109006003166
61	Nguyễn Văn Long	0,2	2.340.000	468.000	109004526189
62	Đoàn Hoài Thu	0,2	2.340.000	468.000	107001587584
63	Lò Quỳnh Nhung	0,2	2.340.000	468.000	100005366795
64	Nguyễn Thị Ngọc Hà	0,2	2.340.000	468.000	102001093676
65	Bùi Thị Hoa Mận	0,2	2.340.000	468.000	106006027843
66	Nguyễn Thị Như Trang	0,2	2.340.000	468.000	107006518543
67	Tạ Văn Phương	0,2	2.340.000	468.000	106006457971
68	Nguyễn Thị Hằng	0,2	2.340.000	468.000	109004838464
69	Trương Ngọc Kiên	0,2	2.340.000	468.000	100004872293
70	Trần Văn Bình	0,2	2.340.000	468.000	100005305208
71	Bùi Nam Giang	0,2	2.340.000	468.000	104005523895
72	Chu Thị Hồng Gấm	0,2	2.340.000	468.000	106001111673
73	Trịnh Thị Thùy Linh	0,2	2.340.000	468.000	101005224506
74	Lường Văn Tài	0,2	2.340.000	468.000	102006320272
75	Nguyễn Văn Chung	0,2	2.340.000	468.000	105004943027
76	Đỗ Thanh Bình	0,2	2.340.000	468.000	108006207661
77	Trần Ngọc Giáp	0,2	2.340.000	468.000	105004979189
78	Nguyễn Mạnh Nghĩa	0,2	2.340.000	468.000	109874758916
79	Nguyễn Trọng Hiếu Linh	0,2	2.340.000	468.000	103005102653
80	Nguyễn Thị Thanh	0,2	2.340.000	468.000	100006518289
81	Đoàn Anh Chung	0,2	2.340.000	468.000	105004835980
82	Trần Anh Đức	0,2	2.340.000	468.000	108004835987
83	Bùi Thanh Xuân	0,2	2.340.000	468.000	102004835983
84	Nguyễn Văn Quỳnh	0,2	2.340.000	468.000	101860785666
85	Nguyễn Thị Thanh Thúy	0,2	2.340.000	468.000	105004926778

86	Dương Thị Thanh	0,2	2.340.000	468.000	102004835971
87	Đặng Thị Sợi	0,2	2.340.000	468.000	101004835969
88	Đinh Thị Bích Hậu	0,2	2.340.000	468.000	109006778178
89	Khổng Cát Sơn	0,2	2.340.000	468.000	102004872607
90	Kiều Thanh Thảo	0,2	2.340.000	468.000	105006940789
91	Nguyễn Thị Tuyền	0,2	2.340.000	468.000	102872140501
92	Vũ Thị Đức Hạnh	0,2	2.340.000	468.000	109004835986
93	Đào Anh Tuấn	0,2	2.340.000	468.000	109005496187
94	Tổng Hải Nguyên	0,2	2.340.000	468.000	107006600762
95	Lò Thanh Bình	0,2	2.340.000	468.000	108005549512
96	Vũ Văn Càng	0,2	2.340.000	468.000	106004835989
97	Nguyễn Thị Huyền Trang	0,2	2.340.000	468.000	105002057915
98	Nguyễn Thị Thu Châu	0,2	2.340.000	468.000	104004872620
99	Giáp Thị Dịu	0,2	2.340.000	468.000	107004829136
100	Cao Thị Hạnh	0,2	2.340.000	468.000	104004872299
101	Nguyễn Thị Hương	0,2	2.340.000	468.000	109004835864
102	Nguyễn Thị Linh Huyền	0,2	2.340.000	468.000	100004829063
103	Lèo Thị Thơ	0,2	2.340.000	468.000	106004872616
104	Nguyễn Thanh Thủy	0,2	2.340.000	468.000	102004863533
105	Nguyễn Thị Thủy Linh	0,2	2.340.000	468.000	104004951675
106	Đèo Thị Thủy	0,2	2.340.000	468.000	104006027080
107	Vũ Diệu Linh	0,2	2.340.000	468.000	108006091870
108	Nguyễn Hải Minh	0,2	2.340.000	468.000	109006529769
109	Khổng Minh Ngọc Mai	0,2	2.340.000	468.000	108004833146
110	Đào Văn Trường	0,2	2.340.000	468.000	101002596689
111	Vũ Anh Tuấn	0,2	2.340.000	468.000	101004872278
112	Vũ Thị Thúy	0,2	2.340.000	468.000	105004872274
113	Nguyễn Minh Khoa	0,2	2.340.000	468.000	105004838444
114	Nguyễn Văn Chiêm	0,2	2.340.000	468.000	102004872622
115	Nguyễn Thị Dung	0,2	2.340.000	468.000	106004909633
116	Tòng Văn Huân	0,2	2.340.000	468.000	109004838440
117	Đinh Hữu Quân	0,2	2.340.000	468.000	106004838443
118	Vũ Long Vương	0,2	2.340.000	468.000	102005497838
119	Tạ Đức Hùng	0,2	2.340.000	468.000	105006525934
120	Phạm Duy Khánh	0,2	2.340.000	468.000	108006097859
121	Trần Văn Kiêm	0,2	2.340.000	468.000	100005137836
122	Trịnh Thế Linh	0,2	2.340.000	468.000	100001058998
123	Lò Tuyền Quân	0,2	2.340.000	468.000	102001594078
124	Nguyễn Mạnh Tuấn	0,2	2.340.000	468.000	105879067841
125	Nguyễn Văn Tuấn	0,2	2.340.000	468.000	107001594085
126	Hoàng Thị Kiều Ân	0,2	2.340.000	468.000	102004836109
127	Nguyễn Đức Ân	0,2	2.340.000	468.000	105004836106
128	Nguyễn Thị Vân Anh	0,2	2.340.000	468.000	108004836058
129	Đặng Thị Lan	0,2	2.340.000	468.000	104004912768
130	Nguyễn Văn Minh	0,2	2.340.000	468.000	102004836112
131	Đào Thị Kim Nhung	0,2	2.340.000	468.000	106004836105

132	Nguyễn Thị Thu Thủy	0,2	2.340.000	468.000	100004836101
133	Đặng Thị Xuân	0,2	2.340.000	468.000	107004642602
134	Trần Thị Vân	0,2	2.340.000	468.000	107007017276
135	Tô Thị Hiền	0,2	2.340.000	468.000	105005539524
136	Bùi Thị Diệu Quyên	0,2	2.340.000	468.000	101005690964
137	Lê Thị Thu Hiền	0,2	2.340.000	468.000	103005047312
138	Nguyễn Thị Phương Mai	0,2	2.340.000	468.000	101004900940
139	Khổng Quỳnh Hương	0,2	2.340.000	468.000	105006320293
140	Đỗ Thị Thanh Trà	0,2	2.340.000	468.000	106004836099
141	Lò Minh Thảo	0,2	2.340.000	468.000	109005366802
142	Nguyễn Thị Hương Lan	0,2	2.340.000	468.000	109004836069
143	Vũ Quốc Khánh	0,2	2.340.000	468.000	101004836070
144	Doãn Phương Lan	0,2	2.340.000	468.000	103004836078
145	Phạm Quốc Thắng	0,2	2.340.000	468.000	101004833130
146	Hoàng Thị Lam	0,2	2.340.000	468.000	104004872262
147	Nguyễn Thị Thanh Hà	0,2	2.340.000	468.000	105004872259
148	Nguyễn Văn Tú	0,2	2.340.000	468.000	106004872260
149	Phan Trung Kiên	0,2	2.340.000	468.000	100004836044
150	Đặng Thị Vân Chi	0,2	2.340.000	468.000	107004836047
151	Phạm Quang Trung	0,2	2.340.000	468.000	106004872597
152	Phạm Hồng Sơn	0,2	2.340.000	468.000	104005957829
153	Nguyễn Văn Hải	0,2	2.340.000	468.000	106006207279
154	Lường Nguyệt Hương	0,2	2.340.000	468.000	103006336307
155	Nguyễn Hữu Cường	0,2	2.340.000	468.000	106006568014
156	Phạm Ngọc Thu	0,2	2.340.000	468.000	109004925381
157	Vũ Tiến Thành	0,2	2.340.000	468.000	102868810515
158	Đỗ Hải Lan	0,2	2.340.000	468.000	104004836013
159	Mai Thanh Hoà	0,2	2.340.000	468.000	102004836015
160	Phạm Thị Đình	0,2	2.340.000	468.000	101004836100
161	Vũ Thị Thanh Nhân	0,2	2.340.000	468.000	102004979143
162	Trương Thị Hoa	0,2	2.340.000	468.000	109004829134
163	Nguyễn Thị Hải	0,2	2.340.000	468.000	100005404205
164	Lê Khắc Phương Chi	0,2	2.340.000	468.000	107005456262
165	Nguyễn Thị Thanh Hoà	0,2	2.340.000	468.000	101005591327
166	Bùi Thị Thanh Hải	0,2	2.340.000	468.000	104005605707
167	Hoàng Thanh Thương	0,2	2.340.000	468.000	102006210903
168	Phạm Văn Công	0,2	2.340.000	468.000	104006309385
169	Đặng Xuân Hoàng	0,2	2.340.000	468.000	100006855593
170	Phạm Thị Lan	0,2	2.340.000	468.000	101001168672
171	Trần Hồng Sơn	0,2	2.340.000	468.000	100005214966
172	Hoàng Việt Anh	0,2	2.340.000	468.000	106006462901
173	Hoàng Thành Bắc	0,2	2.340.000	468.000	100005214954
174	Đặng Thị Thúy Yên	0,2	2.340.000	468.000	104005288076
175	Hồ Văn Trọng	0,2	2.340.000	468.000	100004797353
176	Lê Văn Hà	0,2	2.340.000	468.000	104005214950
177	Phan Thị Thanh Huyền	0,2	2.340.000	468.000	100005339580

178	Đinh Văn Thái	0,2	2.340.000	468.000	108005949149
179	Phạm Đức Thịnh	0,2	2.340.000	468.000	109006283062
180	Trần Quang Khải	0,2	2.340.000	468.000	103003995550
181	Đoàn Đức Lân	0,2	2.340.000	468.000	109004872313
182	Nguyễn Thị Minh Châu	0,2	2.340.000	468.000	108006132627
183	Đào Thị Mai Hồng	0,2	2.340.000	468.000	105006132632
184	Nguyễn Thuỳ Trang	0,2	2.340.000	468.000	101004691652
185	Đoàn Hương Giang	0,2	2.340.000	468.000	102001980804
186	Bùi Thị Sửu	0,2	2.340.000	468.000	101004977503
187	Phạm Thị Mai	0,2	2.340.000	468.000	107006132630
188	Vũ Phong Lâm	0,2	2.340.000	468.000	107004105401
189	Nguyễn Tiến Chính	0,2	2.340.000	468.000	102005399255
190	Đào Nhân Lợi	0,2	2.340.000	468.000	109004044128
191	Nguyễn Hồng Nhung	0,2	2.340.000	468.000	103006027916
192	Lò Thị Huyền Trang	0,2	2.340.000	468.000	108004979504
193	Đặng Thị Thu Huệ	0,2	2.340.000	468.000	106004835952
194	Nguyễn Anh Ngọc	0,2	2.340.000	468.000	106004836688
195	Đỗ Thị Minh Tâm	0,2	2.340.000	468.000	107004964534
196	Lương Thị Thủy	0,2	2.340.000	468.000	101004694622
197	Nguyễn Thị Quỳnh	0,2	2.340.000	468.000	100003603184
198	Nguyễn Thị Mai Phương	0,2	2.340.000	468.000	107004836687
199	Vũ Quang Hưng	0,2	2.340.000	468.000	102004836682
200	Phạm Thị Vân Anh	0,2	2.340.000	468.000	104004964046
201	Đặng Thị Huyền Mi	0,2	2.340.000	468.000	109006567640
202	Trương Thị Luân	0,2	2.340.000	468.000	109004384743
203	Đỗ Thu Hằng	0,2	2.340.000	468.000	108004954614
204	Nguyễn Thị Thanh Thủy	0,2	2.340.000	468.000	109005047736
205	Lê Thị Hiệp	0,2	2.340.000	468.000	100004285007
206	Lã Thị Bích Ngọc	0,2	2.340.000	468.000	104005381898
207	Hà Thanh Tùng	0,2	2.340.000	468.000	108004833664
208	Bùi Mạnh Thắng	0,2	2.340.000	468.000	107004835924
209	Trần Thị Lan Anh	0,2	2.340.000	468.000	103004836092
210	Ngô Thị Phương	0,2	2.340.000	468.000	106004836087
211	Bùi Thanh Hoa	0,2	2.340.000	468.000	104004836091
212	Lò Thị Hồng Nhung	0,2	2.340.000	468.000	102004836093
213	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	0,2	2.340.000	468.000	100004872266
214	Nguyễn Diệu Huyền	0,2	2.340.000	468.000	106005034057
215	Nguyễn Thị Lan Phương	0,2	2.340.000	468.000	101004832292
216	Phú Thùy Hương	0,2	2.340.000	468.000	102006859260
217	Nguyễn Hạnh Vân	0,2	2.340.000	468.000	102006767090
218	Lê Thị Ngọc Ánh	0,2	2.340.000	468.000	106004839481
219	Tổng Thanh Bình	0,2	2.340.000	468.000	103004925308
220	Trần Thị Phụng	0,2	2.340.000	468.000	101004833167
221	Điêu Thị Vân Anh	0,2	2.340.000	468.000	102004925312
222	Lò Ngọc Diệp	0,2	2.340.000	468.000	102004839485
223	Lê Thị Dung	0,2	2.340.000	468.000	103005554923

224	Phạm Anh Tuấn	0,2	2.340.000	468.000	107004835936
225	Nguyễn Thị Hồng Nhung	0,2	2.340.000	468.000	101004835932
226	Hoàng Thị Thanh Giang	0,2	2.340.000	468.000	105004835938
227	Đặng Thị Nhuận	0,2	2.340.000	468.000	108004835935
228	Trần Thị Thanh Hà	0,2	2.340.000	468.000	107004919908
229	Tòng Thị Quỳnh Hương	0,2	2.340.000	468.000	100004925314
230	Nguyễn Thanh Tùng	0,2	2.340.000	468.000	109004836072
231	Trần Thị Dương	0,2	2.340.000	468.000	104866672717
232	Lê Văn Cường	0,2	2.340.000	468.000	104001168832
233	Bùi Thị Hạnh	0,2	2.340.000	468.000	105001625909
234	Vũ Thị Khánh Chi	0,2	2.340.000	468.000	105006289840
235	Hoàng Tùng Lâm	0,2	2.340.000	468.000	106001072602
236	Đỗ Thị Hồng Ngát	0,2	2.340.000	468.000	105001080564
237	Nguyễn Văn Tiến	0,2	2.340.000	468.000	100006567866
238	Ngô Anh Dũng	0,2	2.340.000	468.000	108006525847
239	Bùi Thị Thùy	0,2	2.340.000	468.000	104006032239
240	Lê Văn Kiên	0,2	2.340.000	468.000	105001618222
241	Đào Thị Hạnh	0,2	2.340.000	468.000	108001680684
242	Nguyễn Hạnh Dung	0,2	2.340.000	468.000	103003699365
243	Nguyễn Thị Hà	0,2	2.340.000	468.000	105001083968
244	Phạm Thị Loan	0,2	2.340.000	468.000	106869881050
245	Nguyễn Thị Thêm	0,2	2.340.000	468.000	107006013747
246	Đặng Anh Đan	0,2	2.340.000	468.000	106004835870
247	Nguyễn Thị Thanh Nga	0,2	2.340.000	468.000	104005409260
248	Vũ Thị Đức	0,2	2.340.000	468.000	102005214964
249	Phạm Thị Thanh Tú	0,2	2.340.000	468.000	108004852102
250	Đào Thị Lan Hương	0,2	2.340.000	468.000	103004839502
251	Trần Thị Minh	0,2	2.340.000	468.000	104005405686
252	Mai Văn Quang	0,2	2.340.000	468.000	105868909665
253	Giang Thành Trung	0,2	2.340.000	468.000	104005689020
254	Trần Thị Mừng	0,2	2.340.000	468.000	109004836018
255	Nguyễn Thị Diệu Linh	0,2	2.340.000	468.000	108874014584
256	Đinh Thị Phương	0,2	2.340.000	468.000	107002377251
257	Trần Thị Hồng Xuân	0,2	2.340.000	468.000	100004836017
258	Nguyễn Thị Thúy An	0,2	2.340.000	468.000	100006488863
259	Trần Anh Dũng	0,2	2.340.000	468.000	107005214957
260	Nguyễn Thị Hoa	0,2	2.340.000	468.000	102004872310
261	Nguyễn Thị Quỳnh Lê	0,2	2.340.000	468.000	104005214962
262	Trịnh Thị Hoàn	0,2	2.340.000	468.000	108004835853
263	Cầm Xuân Bình	0,2	2.340.000	468.000	105005214959
264	Tạ Thị Thắm	0,2	2.340.000	468.000	103006531972
265	Dương Xuân Lượng	0,2	2.340.000	468.000	107004838439
266	Trịnh Quang Vượng	0,2	2.340.000	468.000	104871518157
267	Trần Văn Trình	0,2	2.340.000	468.000	104001128176
268	Nguyễn Mạnh Chí	0,2	2.340.000	468.000	109001128171
269	Nguyễn Duy Bình	0,2	2.340.000	468.000	107001128173
270	Đặng Hoàng Anh	0,2	2.340.000	468.000	107004838442

271	Phạm Lâm Vĩnh	0,2	2.340.000	468.000	106005047658
272	Đoàn Thị Nguyên	0,2	2.340.000	468.000	100004835851
273	Phạm Thành Chung	0,2	2.340.000	468.000	103004347941
274	Trần Mạnh Nguyên	0,2	2.340.000	468.000	105006062031
275	Phạm Thành Luân	0,2	2.340.000	468.000	105005064547
276	Lương Văn Nghĩa	0,2	2.340.000	468.000	109004668129
277	Trần Đăng Khoa	0,2	2.340.000	468.000	107001088058
278	Đàm Trung Đức	0,2	2.340.000	468.000	104005047495
279	Lường Hoài Thanh	0,2	2.340.000	468.000	101004872323
280	Nguyễn Thị Huyền	0,2	2.340.000	468.000	100004830601
281	Phạm Đức Viễn	0,2	2.340.000	468.000	109004838437
282	Vi Hữu Việt	0,2	2.340.000	468.000	106003938114
283	Lê Hồng Quảng	0,2	2.340.000	468.000	103004832263
284	Lê Quốc Khánh	0,2	2.340.000	468.000	101005000129
	TỔNG			132.912.000	

(Bằng chữ: Một trăm ba mươi hai triệu chín trăm mười hai nghìn đồng) 

5

DANH SÁCH
Chi tiền thưởng cho các tập thể của Trường Đại học Tây Bắc
đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến năm học 2023 - 2024
(Kèm theo Quyết định số 1104 QĐ/ĐHTB ngày 13 tháng 9 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

STT	Tên đơn vị	Hệ số mức thưởng	Lương cơ sở (tính theo thời điểm có QĐ khen thưởng)	Thành tiền	Số tài khoản (theo STK của Trường đơn vị)
1	Phòng Tổ chức - Hành chính	0,4	2.340.000	936.000	Vũ Mạnh Cường 108004838438
2	Phòng KHCN&HTQT	0,4	2.340.000	936.000	Nguyễn Thị Lan Anh 103004836681
3	Phòng Quản trị CSVC	0,4	2.340.000	936.000	Hà Văn Niệm 103004835873
4	Phòng CTCT - QLNH	0,4	2.340.000	936.000	Dương Văn Mạnh 104004872618
5	Phòng Đào tạo	0,4	2.340.000	936.000	Vũ Việt Hùng 199238399999
6	Phòng Kế toán - Tài chính	0,4	2.340.000	936.000	Đoàn Thanh Hải 100004836684
7	Phòng BDCL&TTPC	0,4	2.340.000	936.000	Nguyễn Duy Hiếu 106004836050
8	Khoa Kinh tế	0,4	2.340.000	936.000	Hoàng Xuân Trọng 100005599696
9	Khoa Tiểu học - Mầm non	0,4	2.340.000	936.000	Điều Thị Tú Uyên 108004835975
10	Khoa Khoa học Sức khỏe	0,4	2.340.000	936.000	Nguyễn Thị Thanh Nga 104005409260
11	Khoa Khoa học Xã hội	0,4	2.340.000	936.000	Đặng Thị Hồng Liên 108004835923
12	Ban Quản lý Khu Nội trú	0,4	2.340.000	936.000	Vũ Tiến Thuận 100004828761
13	Trung tâm NCVH các DTTB	0,4	2.340.000	936.000	Lường Hoài Thanh 101004872323
14	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh	0,4	2.340.000	936.000	Dương Xuân Lượng 107004838439
15	Trung tâm TT-TV	0,4	2.340.000	936.000	Trần Anh Dũng 107005214957
16	Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An	0,4	2.340.000	936.000	Nguyễn Thanh Tùng 109004836072
17	Tổ Khoa học Tự nhiên, Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An	0,4	2.340.000	936.000	Trần Thị Dương 104866672717
18	Trạm Y tế	0,4	2.340.000	936.000	Tạ Văn Phương 106006457971
	TỔNG			16.848.000	

(Bằng chữ : Mười sáu triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng)

car *th*

DANH SÁCH

Chi tiền thưởng cho các cá nhân của Trường Đại học Tây Bắc
đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm học 2023 - 2024
(Kèm theo Quyết định số: 1104 QĐ/ĐHTB ngày 13 tháng 9 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

STT	Họ và tên cá nhân	Hệ số mức thưởng	Lương cơ sở (tính theo thời điểm có QĐ khen thưởng)	Thành tiền	Số tài khoản
1	Nguyễn Trung Kiên	0,6	2.340.000	1.404.000	100001192202
2	Đặng Văn Công	0,6	2.340.000	1.404.000	105005601683
3	Nguyễn Ngọc Duy	0,6	2.340.000	1.404.000	102004977472
4	Nguyễn Kim Oanh	0,6	2.340.000	1.404.000	104001361943
5	Nguyễn Thị Thủy	0,6	2.340.000	1.404.000	102004290573
6	Hoàng Ngọc Anh	0,6	2.340.000	1.404.000	105004836063
7	Cao Bá Lâm	0,6	2.340.000	1.404.000	109004835455
8	Hoàng Thị Huế	0,6	2.340.000	1.404.000	104006041355
9	Phan Thị Thanh Huyền	0,6	2.340.000	1.404.000	100005339580
10	Nguyễn Duy Hiếu	0,6	2.340.000	1.404.000	106004836050
11	Đào Thị Bích Ngọc	0,6	2.340.000	1.404.000	103004835930
12	Khổng Cát Cường	0,6	2.340.000	1.404.000	105004836076
13	Lê Thị Thanh Huyền	0,6	2.340.000	1.404.000	107004839478
14	Dương Văn Mạnh	0,6	2.340.000	1.404.000	104004872618
15	Nguyễn Bá Điệp	0,6	2.340.000	1.404.000	109004872625
16	Nguyễn Thị Lan Anh	0,6	2.340.000	1.404.000	103004836681
17	Hoàng Thị Mão	0,6	2.340.000	1.404.000	102005082259
18	Vũ Tiến Thuận	0,6	2.340.000	1.404.000	100004828761
19	Cầm Thị Lan Khay	0,6	2.340.000	1.404.000	103005472311
20	Lê Thị Thu Hà	0,6	2.340.000	1.404.000	104004835979
21	Nguyễn Hoài Thanh	0,6	2.340.000	1.404.000	101004835984
22	Điền Thị Tú Uyên	0,6	2.340.000	1.404.000	108004835975
23	Khúc Thị Hiền	0,6	2.340.000	1.404.000	105004835978
24	Trịnh Thu Huyền	0,6	2.340.000	1.404.000	109005574307
25	Lường Thị Định	0,6	2.340.000	1.404.000	101005381891
26	Nguyễn Huyền Anh	0,6	2.340.000	1.404.000	105005047661
27	Nguyễn Văn Dương	0,6	2.340.000	1.404.000	108006275851
28	Lê Thị Vân Anh	0,6	2.340.000	1.404.000	103004835860
29	Mai Trung Dũng	0,6	2.340.000	1.404.000	108004872295
30	Lò Văn Giảng	0,6	2.340.000	1.404.000	105005085404
31	Lại Trang Huyền	0,6	2.340.000	1.404.000	102004872307
32	Giang Quỳnh Hương	0,6	2.340.000	1.404.000	101004835862
33	Trần Thị Hồng Lê	0,6	2.340.000	1.404.000	109004836102
34	Lê Thị Nga	0,6	2.340.000	1.404.000	104006212469
35	Nguyễn Văn Quang	0,6	2.340.000	1.404.000	104004838445
36	Nguyễn Quốc Thái	0,6	2.340.000	1.404.000	101004835875
37	Hồ Như Tùng	0,6	2.340.000	1.404.000	103867664015



Handwritten signature or mark.

38	Lò Thị Vân	0,6	2.340.000	1.404.000	102004979974
39	Phạm Thị Chuyên	0,6	2.340.000	1.404.000	104004836025
40	Vũ Thị Hải Ninh	0,6	2.340.000	1.404.000	107004979150
41	Doãn Văn Kiệt	0,6	2.340.000	1.404.000	105004836024
41	Phạm Thế Song	0,6	2.340.000	1.404.000	107004872257
43	Nguyễn Thanh Lâm	0,6	2.340.000	1.404.000	104004836077
44	Lê Thu Lam	0,6	2.340.000	1.404.000	109004863536
45	Hoàng Thị Thanh	0,6	2.340.000	1.404.000	106004836075
46	Phạm Đình Thành	0,6	2.340.000	1.404.000	109004836045
47	Phạm Văn Nhã	0,6	2.340.000	1.404.000	106004836008
48	Nguyễn Văn Dũng	0,6	2.340.000	1.404.000	108004836021
49	Nguyễn Thành Sơn	0,6	2.340.000	1.404.000	105004835461
50	Nguyễn Văn Khoa	0,6	2.340.000	1.404.000	105005549157
51	Nguyễn Thị Bích Ngọc	0,6	2.340.000	1.404.000	107005356075
52	Trần Anh Tuấn	0,6	2.340.000	1.404.000	106005008478
53	Hoàng Văn Thành	0,6	2.340.000	1.404.000	105005214947
54	Vũ Đức Toàn	0,6	2.340.000	1.404.000	106006132631
55	Hoàng Xuân Trọng	0,6	2.340.000	1.404.000	100005599696
56	Đặng Huyền Trang	0,6	2.340.000	1.404.000	105004836689
57	Đào Thị Vân Anh	0,6	2.340.000	1.404.000	108004828694
58	Nguyễn Thị Phương Thảo	0,6	2.340.000	1.404.000	104005467202
59	Vũ Thị Sen	0,6	2.340.000	1.404.000	109004836685
60	Đặng Trung Kiên	0,6	2.340.000	1.404.000	109004872300
61	Đặng Thị Hồng Liên	0,6	2.340.000	1.404.000	108004835923
62	Phạm Thị Phương Huyền	0,6	2.340.000	1.404.000	107004833665
63	Dương Hà Hiếu	0,6	2.340.000	1.404.000	108004872326
64	Chu Thị Mai Hương	0,6	2.340.000	1.404.000	103004952456
65	Lê Thị Thu Hòa	0,6	2.340.000	1.404.000	100862618181
66	Nguyễn Thị Huệ	0,6	2.340.000	1.404.000	105004872317
67	Lương Văn Tiến	0,6	2.340.000	1.404.000	100002342091
68	Nguyễn Thị Hồng Chuyên	0,6	2.340.000	1.404.000	107002342067
69	Dương Thị Duyên	0,6	2.340.000	1.404.000	101004836016
70	Nguyễn Thị Thảo Yến	0,6	2.340.000	1.404.000	109001343966
71	Nguyễn Thị Thu Hiền	0,6	2.340.000	1.404.000	108005214956
72	Vũ Phương Liên	0,6	2.340.000	1.404.000	103006600742
73	Trần Thế Mạnh	0,6	2.340.000	1.404.000	103006146563
74	Lê Sỹ Bình	0,6	2.340.000	1.404.000	100004836031
75	Lê Thị Bích Hào	0,6	2.340.000	1.404.000	106001156076
76	Hoàng Hạnh Nguyên	0,6	2.340.000	1.404.000	101001127167
77	Nguyễn Khắc Thanh	0,6	2.340.000	1.404.000	105869548177
78	Phan Văn Tiến	0,6	2.340.000	1.404.000	101001088149
79	Kiều Tiến Lương	0,6	2.340.000	1.404.000	101003699066
80	Lò Ngay Xuân	0,6	2.340.000	1.404.000	101001059126
81	Lê Văn Minh	0,6	2.340.000	1.404.000	103002385383
TỔNG				113.724.000	

(Bằng chữ : Một trăm mười ba triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng)

cau lch

DANH SÁCH
Chi tiền thưởng cho các tập thể của Trường Đại học Tây Bắc
được tặng Giấy khen của Hiệu trưởng năm học 2023 - 2024
(Kèm theo Quyết định số: 1104 QĐ/ĐHTB ngày 13 tháng 9 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

STT	Tên đơn vị	Hệ số mức thưởng	Lương cơ sở (tính theo thời điểm có QĐ khen thưởng)	Thành tiền	Số tài khoản (theo STK của Trường đơn vị)
1	Phòng Tổ chức - Hành chính	0,3	2.340.000	702.000	Vũ Mạnh Cường 108004838438
2	Phòng Kế toán - Tài chính	0,3	2.340.000	702.000	Đoàn Thanh Hải 100004836684
3	Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An	0,3	2.340.000	702.000	Nguyễn Thanh Tùng 109004836072
	TỔNG			2.106.000	

(Bằng chữ: Hai triệu một trăm linh sáu nghìn đồng)

cau *ld*

DANH SÁCH

**Chi tiền thưởng cho các cá nhân của Trường Đại học Tây Bắc
được tặng Giấy khen của Hiệu trưởng năm học 2023 - 2024**
(Kèm theo Quyết định số: 1164 QĐ/ĐHTB ngày 13 tháng 9. năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

STT	Họ và tên cá nhân	Hệ số mức thưởng	Lương cơ sở (tính theo thời điểm có QĐ khen thưởng)	Thành tiền	Số tài khoản
1	Lưu Thị Ánh Thảo	0,2	2.340.000	468.000	101006172624
2	Đoàn Thanh Hải	0,2	2.340.000	468.000	100004836684
3	Lưu Mạnh Hùng	0,2	2.340.000	468.000	103005082258
4	Trần Thị Thùy Linh	0,2	2.340.000	468.000	109004970349
5	Nguyễn Thị Huệ Phương	0,2	2.340.000	468.000	104004836064
6	Phạm Việt Hà	0,2	2.340.000	468.000	101005047992
7	Lò Quỳnh Nhung	0,2	2.340.000	468.000	100005366795
8	Lạc Thị Dung	0,2	2.340.000	468.000	107001066489
9	Lường Văn Tài	0,2	2.340.000	468.000	102006320272
10	Nguyễn Thị Thanh	0,2	2.340.000	468.000	100006518289
11	Phạm Quốc Thắng	0,2	2.340.000	468.000	101004833130
12	Đặng Thị Thúy Yên	0,2	2.340.000	468.000	104005288076
13	Hà Thanh Tùng	0,2	2.340.000	468.000	108004833664
14	Điêu Thị Vân Anh	0,2	2.340.000	468.000	102004925312
15	Mai Văn Quang	0,2	2.340.000	468.000	105868909665
16	Vũ Thị Khánh Chi	0,2	2.340.000	468.000	105006289840
17	Trần Thị Hồng Xuân	0,2	2.340.000	468.000	100004836017
18	Nguyễn Thị Quỳnh Lê	0,2	2.340.000	468.000	104005214962
19	Phạm Lâm Vĩnh	0,2	2.340.000	468.000	106005047658
20	Nguyễn Thị Huyền	0,2	2.340.000	468.000	100004830601
	TỔNG			9.360.000	

(Bằng chữ: Chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng)

